

Bản án số: **87/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 25-9-2020
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Hồng Thạnh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Quý Dương** và ông **Nguyễn Trọng Lâm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2020, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/8/2020; quyết định hoãn phiên tòa số 65/20120/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Tổ 2, ấp 6, xã TC, huyện TP, tỉnh ĐN.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Minh Ng**, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Ấp 5, xã TC, huyện TP, tỉnh ĐN.

(Tại phiên tòa vắng mặt chị N, anh Ng (chị N có đơn xin vắng mặt, anh Ng triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2020, lời khai trong quá trình tố tụng ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng tự nguyện kết hôn và được UBND xã Trà Cổ cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng sống chung đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột. Tháng 9 năm 2019 chị có nộp đơn khởi kiện ly hôn anh Ng tại Tòa án Tân Phú nhưng do chị cũng mong muốn vợ chồng có cơ hội đoàn tụ gia đình nên đã tự nguyện rút đơn khởi kiện.

Tuy nhiên, tình trạng mâu thuẫn vẫn không được cải thiện. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Ng.

Về con chung: Chị khai báo anh chị có 01 con chung là Nguyễn Minh Quang, sinh ngày 04/4/2018. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quang và không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị khai báo không có và không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị khai báo không có và không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị N đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: CMND của chị N (bản sao); Sổ hộ khẩu của chị N (bản sao); Đơn xin xác nhận HKTT của anh Ng (bản chính); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh (bản sao), Bản tự khai (bản chính); Đơn xin xét xử vắng mặt (bản chính).

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản xác minh về sự có mặt của đương sự tại địa phương, tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con của các đương sự. Các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và các đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị N được ly hôn anh Ng.

+ Về quan hệ nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Nguyễn Minh Quang, sinh ngày 04/4/2018 cho chị N nuôi dưỡng. Anh Ng không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Chị N khai báo không có và không yêu cầu Tòa án xem xét. Vì không có lời khai của anh Ng nên khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

+ Về nợ chung: Chị N khai báo anh chị không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì không có lời khai của anh Ng nên khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

+ Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, chị N vắng mặt do chị có đơn xin vắng mặt, anh Ng được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác. Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Anh Ng có địa chỉ nơi cư trú tại ấp 6, xã TC, huyện TP, tỉnh ĐN. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú. Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 15/01/2020, chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Ng. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị N là nguyên đơn, anh Ng là bị đơn trong vụ án.

Trong quá trình tố tụng, chị N khai báo vợ chồng anh chị có vay của Ngân hàng Hđ bank Việt Nam – Phòng giao dịch Phương Lâm số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Tòa án đã ban hành Thông báo thụ lý vụ án và đưa Ngân hàng Hđ bank Việt Nam – Phòng giao dịch Phương Lâm với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Quá trình xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ xác định khoản vay nêu trên đã được thanh toán xong và N hàng nhận thấy vụ án ly hôn giữa chị N, anh Ng không ảnh hưởng gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên N hàng không làm đơn yêu cầu giải quyết hay tranh chấp gì với chị N, anh Ng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định không đưa Ngân hàng Hđ bank Việt Nam – Phòng giao dịch Phương Lâm vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

- Chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, anh Ng vắng mặt lần thứ 2 mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt anh Ng.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị N, anh Ng được xác lập vào năm 2015. Hôn nhân của anh chị được Ủy ban nhân dân xã Trà Cổ, huyện Tân Phú cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/10/2015. Chị N có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Tòa án giải quyết theo thủ tục chung về ly hôn mà Luật hôn nhân và gia đình quy định.

Xét lời khai của chị N và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Qua xác minh tại địa phương thể hiện đời sống chung của vợ chồng anh chị không còn hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị ít qua lại, thông tin liên lạc và không trực tiếp trao đổi để vợ chồng có cơ hội về chung sống đoàn tụ với nhau. Nay chị N

nhận thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu ly hôn với anh Ng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục cấp, tổng đạt, niêm yết: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự và các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp cũng như Tòa án thu thập được cho các bên đương sự. Tòa án đã thông báo và mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ chị N không có ý kiến gì và không bổ sung gì thêm. Bị đơn anh Ng vắng mặt đã được tòa án ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật. Do anh Ng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu nào của anh Ng.

Nhận thấy hôn nhân giữa anh chị không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt. Để anh chị sớm có điều kiện ổn định cuộc sống của mình, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị được ly hôn với anh Ng.

[2.2.]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị N khai báo anh chị có 01 con chung là Nguyễn Minh Quang, sinh ngày 04/4/2018. Xét nguyện vọng nuôi con của chị N: Cháu Quang hiện do chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng sống ly thân. Khi ly hôn các bên đều có quyền được nuôi con, tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh Ng không có mặt tại Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến của anh Ng đối với yêu cầu nuôi con của chị N. Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay cháu Quang còn nhỏ và cần giữ nguyên nếp sống sinh hoạt hiện nay nhằm đảm bảo ổn định tâm lý cho cháu nên chấp nhận nguyện vọng nuôi con của chị N là phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị N không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét mức cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn. Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N khai báo không có. Do trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Ng về yêu cầu này vì vậy khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N.
 - Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Minh Ng.
 - Về con chung: Chị N, anh Ng có 01 (một) con chung là Nguyễn Minh Quang, sinh ngày 04/4/2018. Giao cháu Quang cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.
 - Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Ng không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu. Anh Ng có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây cản trở. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.
 - Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.
2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim N phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị N đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 006008 ngày 15/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.
3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Minh Ng có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã Trà Cỏ (Để ghi vào sổ hộ tịch theo số 69, quyền số 01/2015 ngày 26/10/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu trữ cơ quan.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Thạnh

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã Phú Lâm (Để ghi vào sổ hộ tịch theo số 17, quyền số 01/2005 ngày 11/3/2005);
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu trữ cơ quan.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Thạnh

